TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PT, TP HÀ NỘI** ----------	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2020/DS-ST
Ngày: 25 - 06 - 2020
V/v Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PT, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà*: Bà **Đặng Thị Bích Loan.**

- *Các Hội thẩm nhân dân*: Bà **Nguyễn Thị Chiểu**

Bà **Kiều Thị Ninh**

- *Thư ký phiên toà:* Bà **Ngô Thị Mơ,** Thư ký Toà án nhân dân huyện PT, Thành phố Hà Nội.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PT, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:* Bà **Khuất Thu Hương-** Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 06 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện PT, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 14/2020/TLST- DS ngày 14 tháng 02 năm 2020 về việc Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2020/QĐXXST- DS ngày 04 tháng 6 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2020/QĐST- DS ngày 17/06/2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Ngân hàng TMCP Việt Nam TV**

Địa chỉ: Số 89 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

- Người đại diện theo pháp luật: ông Ngô Chí Dũng; Chức vụ: Chủ tịch hội đồng quản trị.

- Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Tuấn Anh- Chức vụ Phó Giám đốc trung tâm pháp luật Ngân hàng. Người được ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Đăng Lực; Chuyên viên xử lý nợ; ông Lực có mặt.

- Bị đơn: + Ông **Vũ Đức L**, sinh năm 1968; vắng mặt.

+ Bà **Nguyễn Thị T,** sinh năm 1970; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Cụm 3, xã TL, huyện PT, Thành phố Hà Nội.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

+ Anh Vũ Đức M, sinh năm 1994; vắng mặt

+ Chị Vũ Thị T1, sinh năm 1991; vắng mặt

Cùng địa chỉ: Cụm 3, xã TL, huyện PT, Thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các bản tự khai tại Tòa án, đại diện Ngân hàng TMCP Việt Nam TV , trình bày:

Ngày 18/9/2014, Ngân hàng TMCP Việt Nam TV và ông Vũ Đức L, bà Nguyễn Thị T ký Hợp đồng tín dụng số 1625248 để vay số tiền 300.000.000đ *(Ba trăm triệu đồng*); Mục đích vay tiêu dùng mua sắm thiết bị, nội thất gia đình; Thời hạn vay 120 tháng; Lãi suất trong hạn 5%/năm cố định trong 06 tháng, hết 06 tháng điều chỉnh 03 tháng/lần (+) biên độ 4,5%/năm; Lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn kể từ từ thời điểm phát sinh nợ quá hạn.

Để bảo đảm cho khoản vay nêu trên, ngày 09/9/2014 ông Vũ Đức L, bà Nguyễn Thị T cùng hai người con là chị Vũ Thị T1 và anh Vũ Đức M đã ký kết Hợp đồng thế chấp tài sản cho Ngân hàng TMCP Việt Nam TV. Tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 48, tờ bản đồ số 08, diện tích 396m^2 tại xã TL, huyện PT. Đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T586668 do UBND huyện PT cấp ngày 08/8/2002 đứng tên chủ sử dụng đất là hộ ông Vũ Đức L. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất được công chứng tại Phòng công chứng Kinh Đô, Thành phố Hà Nội và đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký đất đai huyện PT, Thành phố Hà Nội.

Sau khi ký Hợp đồng, Ngân hàng đã giải ngân cho ông L, bà T tổng số tiền 300.00.000đ thông qua khế ước nhận nợ số 1625248 ngày 18/9/2014.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Vũ Đức L,bà Nguyễn Thị T đã trả nợ cho Ngân hàng số tiền gốc 60.000.000đ và 58.540.803đ tiền lãi, sau đó ông L, bà T không thực hiện trả nợ, đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên từ ngày 18/10/2016 Ngân hàng đã chuyển khoản nợ trên thành nợ qúa hạn.

Tính đến ngày 25/6/2020, ông L, bà T còn nợ Ngân hàng TMCP Việt Nam TV tổng số tiền là 409.930.106đ. Trong đó: Tiền nợ gốc là 240.000.000đ; lãi trong hạn 1.530.000đ; lãi quá hạn 168.400.106đ.

Việc chậm trả nợ của ông L, bà T đã vi phạm hợp đồng tín dụng hai bên đã ký kết, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng TMCP Việt Nam TV. Vì vậy, Ngân hàng đề nghị Tòa án nhân dân huyện PT buộc ông L, bà T thanh toán trả cho Ngân hàng TMCP Việt Nam TV toàn bộ số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng số 16225248 ngày 18/9/2014 và yêu cầu ông L, bà T tiếp tục trả tiền lãi theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến ngày ông L, bà T thanh toán hết nợ cho Ngân hàng.

Trong trường hợp ông L và bà T không thanh toán trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phát mại toàn bộ tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền trên đất thuộc thửa đất số 48, tờ bản đồ số 08, diện tích 396m^2 tại xã TL, huyện PT, đã được UBND huyện PT cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T586668 ngày 08/8/2002 đứng tên chủ sử dụng đất là hộ ông Vũ Đức L.

+ Quá trình giải quyết vụ án: Bị đơn, ông Vũ Đức L bà Nguyễn Thị T trình bày: Năm 2014 vợ chồng tôi có ký hợp đồn tín dụng để vay tiền của Ngân hàng TMCP Việt Nam TV số tiền 300.000.000đ và đã được nhận đủ số tiền do Ngân hàng giải ngân; Mục

đích vay tiền để sử dụng làm ăn. Về nội dung vay, lãi suất vay, thời hạn trả nợ và các nội dung khác đã thể hiện trong hợp tín dụng. Để đảm bảo cho khoản vay này vợ chồng tôi đã ký Hợp đồng thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 48, tờ bản đồ số 08, diện tích 396m^2 tại xã TL, huyện PT, đã được UBND huyện PT cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T586668 ngày 08/8/2002 đứng tên chủ sử dụng đất là hộ ông Vũ Đức L. Nguồn gốc đất này là của vợ chồng tôi mua năm 2002, đến năm 2007 vợ chồng tôi xây nhà, thời điểm này các con tôi còn nhỏ không có công sức đóng góp gì vào tài sản này.

Trong quá trình vay, vợ chồng tôi đã trả nợ được cho Ngân hàng số tiền gốc là 60.000.000đ và một khoản tiền lãi. Sau đó, hoàn cảnh gia đình gặp khó khăn, vợ chồng tôi không có thu nhập ổn định nên đã không trả được nợ cho Ngân hàng. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu vợ chồng tôi trả nợ số tiền gốc và lãi. Vợ chồng tôi công nhận còn nợ số tiền đúng như Ngân hàng TMCP Việt Nam TV đã yêu cầu và chúng tôi đồng ý trả nợ cho Ngân hàng. Trường hợp vợ chồng tôi không thực hiện nghĩa vụ thanh toán toàn bộ khoản nợ theo yêu cầu của Ngân hàng thì đồng ý để Ngân hàng yêu cầu cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phát mại tài sản đã thế chấp để thu hồi trả nợ cho Ngân hàng.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*:

+ Chị Vũ Thị T1 trình bày: Chị là con gái của ông Vũ Đức L và bà Nguyễn Thị T. Toàn bộ tài sản là đất nhà mà bố mẹ chị thế chấp cho Ngân hàng TMCP Việt Nam TV để vay tiền của Ngân hàng là của riêng bố mẹ chị, chị em chị không có tài sản, công sức gì. Việc bố mẹ chị vay tiền và sử dụng tiền cụ thể như thế nào chị không biết. Hiện nay chị không sống chung cùng bố mẹ chị tại đất nhà thế chấp cho Ngân hàng.

+ Đối với anh Vũ Đức M không hợp tác nên Tòa án không lấy được lời khai.

Quá trình giải quyết vụ án, đại diện Ngân hàng TMCP Việt Nam TV đề nghị Tòa án xem xét thẩm định tài sản thế chấp.

Ngày 20/5/2020, Hội đồng thẩm định tài sản đã tiến hành xem xét thẩm định tài sản thế chấp. Xác định: Thửa đất số 48, tờ bản đồ số 08 tại xã TL, huyện PT, đã được UBND huyện PT cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T586668 ngày 08/8/2002 đứng tên chủ sử dụng đất là hộ ông Vũ Đức L. Trên đất có một ngôi nhà mái bằng xây dựng năm 2007, bếp xây mái bằng, công trình phụ, sân lát gạch đỏ, 01 nhà xưởng khung keo sắt, mái lợp tôn, 01 cổng sắt + 2 trụ cổng, 01 cây ổi, 01 cây bưởi, 04 đoạn tường bao. Tại thời điểm thế chấp tài sản không thay đổi. Hiện nhà đất trên có vợ chồng ông L, bà T và anh Vũ Đức M, sinh năm 1994 cư trú, sinh sống.

Tại phiên tòa, nguyên đơn rút yêu cầu tính phạt chậm trả lãi đối với khoản vay của hợp đồng tín dụng số1625248 ngày 18/9/2014 và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án buộc ông L, bà T trả nợ cho Ngân hàng TMCP Việt Nam TV toàn bộ số tiền nợ gốc, tiền nợ lãi theo Hợp đồng tín dụng nêu trên. Trường hợp ông L, bà T không trả được khoản nợ trên thì Ngân hàng đề nghị phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PT, tại phiên tòa phát biểu: Việc thụ lý, giải quyết vụ án được Thẩm phán thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tiến hành đúng thủ tục tố tụng. Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Điều 26, Điều 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015. Các Điều 317, 320, 322, 463, 465, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Điều 95 Luật tổ chức tín dụng; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Buộc ông L, bà T phải trả cho Ngân hàng TMCP Việt Nam TV số tiền tính đến ngày 25/6/2020 là 409.930.106đ; Trong đó: Tiền gốc là 240.000.000đ; tiền lãi trong hạn 1.530.000đ; lãi quá hạn 168.400.106đ. ông L, bà T phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn phát sinh theo lãi suất thỏa thuận quy định tại Hợp đồng hạn mức tín dụng cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng.

Trường hợp ông L, bà T không thanh toán trả tiền thì Ngân hàng TMCP Việt Nam TV có quyền yêu cầu Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Về án phí: ông L, bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được kiểm tra công khai tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PT, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp Hợp đồng tín dụng giữa các bên là quan hệ pháp luật dân sự. Bị đơn là ông Vũ Đức L bà Nguyễn Thị T có hộ khẩu thường trú và cư trú tại Cụm 3, xã TL, huyện PT, Thành phố Hà Nội nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện PT theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự

[2] Về nội dung:

- Xét hợp đồng tín dụng: Ngày 18/9/2014 ông Vũ Đức L và bà Nguyễn Thị T ký Hợp đồng tín dụng số 1625248 với Ngân hàng TMCP Việt Nam TV để vay số tiền 300.000.000đ (*Ba trăm triệu*) đồng; Mục đích vay tiêu dùng mua sắm thiết bị, nội thất gia đình; Thời hạn vay 120 tháng; Lãi suất trong hạn 5%/năm cố định trong 06 tháng, hết 06 tháng điều chỉnh 03 tháng/lần (+) biên độ 4,5%/năm; Lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn, kể từ thời điểm phát sinh nợ quá hạn. Ngân hàng đã giải ngân cho ông L, bà Tsố tiền 300.000.000đ theo khế ước nhận nợ số 1625248 ngày 18/9/2014. Hội đồng xét xử thấy: Hợp đồng tín dụng nêu trên đã được ký kết giữa Ngân hàng TMCP Việt Nam TV và ông L, bà Tlà hoàn toàn tự nguyện, nội dung và hình thức Hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật nên có hiệu lực đối với các bên tham gia.

+ Về tiền nợ gốc: Quá trình thực hiện hợp đồng, ông L, bà T đã trả được số tiền gốc là: 60.000.000đ, sau đó ông L, bà T không thực hiện đúng hợp đồng và đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 18/10/2016 đến nay. Tính đến ngày 25/6/2020 ông L, bà T còn nợ số tiền gốc là 240.000.000đ. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng về việc yêu cầu ông L, bà T thanh toán số tiền gốc còn nợ là 240.000.000đ (*Hai trăm bốn mươi triệu đồng*).

+ Về tiền nợ lãi: Tại phiên tòa, đại diện Ngân hàng TMCP Việt Nam TV rút yêu cầu tính phạt chậm trả lãi đối với khoản vay của hợp đồng tín dụng. Hội đồng xét xử thấy: Việc

Ngân hàng rút yêu cầu tính lãi phạt chậm trả là tự nguyện và phù hợp quy định pháp luật nên chấp nhận.

Như vậy, tính đến ngày 25/6/2020 Ngân hàng yêu cầu ông L, bà T phải trả tiền lãi trong hạn là : 1.530.000đ; tiền lãi quá hạn là: 168.400.106đ. Xét lãi suất trong hạn mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng là mức lãi suất đã được điều chỉnh phù hợp với lãi suất quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tại các thời kỳ. Đối với lãi suất quá hạn, hai bên thỏa thuận bằng 150% lãi suất trong hạn, phù hợp với quy định pháp luật. Do ông L và bà T vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện, buộc bị đơn phải thanh toán toàn bộ tiền nợ gốc và tiền nợ lãi cho Ngân hàng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Cụ thể: Tính đến ngày 25/6/2020 ông L và bà T còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 409.930.106đ; Trong đó: Tiền gốc là 240.000.000đ; tiền lãi trong hạn là 1.530.000đ; lãi quá hạn là 168.400.106đ.

ông L và bà T còn phải tiếp tục chịu lãi phát sinh trên dư nợ gốc kể từ ngày 26/6/2020 cho đến khi thanh toán xong nợ gốc theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng.

- Xét hợp đồng thế chấp Tài sản: Tài sản bảo đảm cho khoản vay của ông L, bà T là Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 48, tờ bản đồ số 08, diện tích 396m^2 tại xã TL, huyện PT, đã được UBND huyện PT cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T586668 ngày 08/8/2002 đứng tên chủ sử dụng đất là hộ ông Vũ Đức L theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 3146/2014 ngày 09/9/2014 được Công chứng tại Phòng công chứng Kinh Đô,Thành phố Hà Nội và đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký đất đai huyện PT, Thành phố Hà Nội. Tại thời điểm hộ ông Vũ Đức L được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất thì hộ ông L gồm có ông Vũ Đức L bà Nguyễn Thị T, chị Vũ Thị T1 và anh Vũ Đức M. Tuy nhiên, theo ông L, bà T và chị T thì toàn bộ tài sản mà ông L, bà T thế chấp cho Ngân hàng là của vợ chồng ông L, bà T. Anh M và chị T1 không có tài sản và công sức gì.

Mặc dù, tại khoản 1 Điều 1 của Hợp đồng thế chấp thể hiện: Tài sản bảo đảm cho khoản vay của ông L và bà T là Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 48, tờ bản đồ số 08, diện tích 396m^2 tại xã TL, huyện PT, Thành phố Hà Nội, được UBND huyện PT cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hộ ông Vũ Đức L. Tài sản này được các bên cam kết dùng bảo đảm cho việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của bên vay là ông Vũ Đức L và bà Nguyễn Thị T đối với Ngân hàng TMCP Việt Nam TV, nhưng tại điểm e khoản 2 Điều 5 của Hợp đồng thế chấp, thể hiện: Bên thế chấp cam kết và xác nhận rằng mọi công trình, tài sản khác được cải tạo, xây dựng gắn liền với Tài sản thế chấp đều thuộc Tài sản thế chấp. Mặt khác tại Hợp đồng thế chấp cũng thể hiện: Trường hợp phải xử lý tài sản thế chấp, bên thế chấp cam kết bàn giao vô điều kiện tài sản thế chấp và mọi công trình, tài sản khác được cải tạo, xây dựng gắn liền với Tài sản thế chấp để xử lý. Như vậy, có căn cứ xác định tài sản mà gia đình ông L, bà T thế chấp cho Ngân hàng TMCP Việt Nam TV là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 48, tờ bản đồ 08 tại xã TL, huyện PT.

Xét Hợp đồng thế chấp tài sản đã được hai bên ký kết trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, không bị lừa dối, các chủ thể đều có đủ năng lực hành vi dân sự, các điều khoản của hợp đồng không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội, tài sản thế chấp được đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Do vậy, trường hợp ông L và bà T không

thanh toán trả nợ cho Ngân hàng TMCP Việt Nam TV thì Ngân hàng có quyền đề nghị Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Nếu số tiền thu được từ việc bán tài sản bảo đảm không đủ để trả nợ thì ông L, bà T vẫn phải tiếp tục trả hết nợ cho Ngân hàng.

[**3] Về án phí**: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu tiền án phí. Bị đơn là ông L và bà T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[4**] Về quyền kháng cáo:** Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 668 Bộ luật dân sự năm 2015, các Điều 275, 295, 299, 317, 318, 319, 320, 321, 322, 323, 463, 465, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng.

Căn cứ Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành Luật Đất đai; Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm; Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ; Điều 130 Luật Đất đai năm 2003.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Việt Nam TV đối với ông Vũ Đức L và bà Nguyễn Thị T.

2. Ghi nhận sự tự nguyện của Ngân hàng TMCP Việt Nam TV rút yêu cầu tính lãi phạt chậm trả đối với ông Vũ Đức L và bà Nguyễn Thị T.

3. Buộc ông Vũ Đức L và bà Nguyễn Thị T phải trả cho Ngân hàng TMCP Việt Nam TV tổng số tiền tính đến ngày 25/6/2020 là 409.930.106đ (*Bốn trăm linh chín triệu, chín trăm ba mươi nghìn một trăm linh sáu đồng*); Trong đó: Tiền nợ gốc là: 240.000.000đ; lãi trong hạn: 1.530.000đđ; lãi quá hạn: 168.400.106đ;

Kể từ ngày 26/6/2020, ông Vũ Đức L và bà Nguyễn Thị T phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

4. Trong trường hợp ông Vũ Đức L bà Nguyễn Thị T không thanh toán được số nợ trên cho Ngân hàng TMCP Việt Nam TV thì Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng có quyền yền yêu cầu Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 48, tờ bản đồ số 08, diện tích 396m^2 tại xã TL, huyện PT, đã được UBND huyện PT cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T586668 ngày 08/8/2002 đứng tên chủ sử dụng đất là hộ ông Vũ Đức L để thu hồi toàn bộ khoản nợ.

Nếu số tiền thu được từ việc phát mại tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ trên thì ông L, bà T vẫn phải có nghĩa vụ trả hết nợ cho Ngân hàng TMCP Việt Nam TV .

- Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố dụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án: Ông Vũ Đức L bà Nguyễn Thị T phải chịu 20.277.000đ*(Hai mươi triệu hai trăm bảy mươi bảy nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại Ngân hàng TMCP Việt Nam TV số tiền 9.800.000đ *(Chín triệu tám trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp, theo Biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Toà án số 0003008 ngày 10/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện PT, Thành phố Hà Nội.

Căn cứ Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận
-TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện PT;
- THADS huyện PT;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Bích Loan

Nơi nhận
-TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện PT;
- THADS huyện PT;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Bích Loan

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận
-TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện PT;
- THADS huyện PT;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Bích Loan